

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Xây dựng trạm bảo vệ rừng Tà Long thuộc Ban quản lý
rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2020 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trạm bảo vệ rừng Tà Long thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông;

Xét đề nghị của Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông tại Tờ trình số 132/TTr-SNN ngày 18/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trạm bảo vệ rừng Tà Long thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng trạm bảo vệ rừng Tà Long thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Việc đầu tư xây dựng công trình trạm bảo vệ rừng Tà Long nhằm mục đích đáp ứng cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc và nhu cầu thiết yếu cho cán bộ, nhân viên trong trạm; phục vụ cho công tác tuần tra, bảo vệ rừng và kiểm soát vận chuyển lâm sản trên địa bàn của Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Hạng mục san nền:

San nền khu đất dự kiến xây dựng nhà trạm quản lý Bảo vệ rừng Tà Long với diện tích khu san $F=603,75m^2$, cao trình san nền hoàn thiện: $+120,30m$; taluy mái đào $m=1,0$; taluy mái đắp $m=1,5$ (riêng taluy mái đắp phía đường nội thôn $m=0,75$). Gia cố taluy mái đắp phía đường nội thôn bằng kết cấu đá xây M100 dày 20cm, đỉnh gia cố rộng 50cm; chân khay gia cố mái đá xây kết cấu bằng bê tông cốt thép (BTCT) M200 đá 1x2, chiều dài đoạn mái gia cố $L=32,31m$.

- Hạng mục xây mới nhà trạm:

+ Xây dựng mới nhà trạm bảo vệ rừng với diện tích $S=128,7m^2$; nhà sử dụng kết cấu móng đơn kết hợp hệ thống khung, dầm và sàn chịu lực bằng BTCT M250. Tường nhà xây gạch KT(15x20x30)cm vữa xây M75, trát vữa M75 dày 1,5cm. Tường trong và ngoài nhà sơn 03 nước (01 lót + 02 phủ); Cửa đi, cửa sổ dùng cửa pano sắt kết hợp cửa nhựa lõi thép; Nền nhà đổ bê tông M150, mặt nhà lát gạch ceramic kích thước $b \times h=(60 \times 60)cm$, mái nhà lợp tôn sóng vuông dày 0,4 ly màu xanh, xà gồ thép hộp mạ kẽm KT(40x80x1,4) hàn bít liền mạch và sơn 3 nước chống gỉ; trần nhà đóng tôn lạnh dày 0,3ly.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng và thông gió;

+ Nguồn điện được đấu nối với nguồn điện sẵn có của lưới điện trên địa bàn xã Tà Long để phục vụ thi công và đấu nối cho công trình sau khi sử dụng; hệ thống điện trong nhà dùng dây cáp cadivi, dây nguồn $2 \times 6mm^2$, $2 \times 2,5mm^2$, $2 \times 1,5mm^2$, bảng điện, công tắc và các thiết bị chuyên dụng khác.

+ Chiếu sáng: chiếu sáng tự nhiên thông qua hệ thống cửa kết hợp với điện chiếu sáng bằng đèn neon nhân tạo.

+ Thông gió: Bằng hệ thống lam, cửa và quạt thông gió.

- Hệ thống cấp nước: trong nhà có bố trí hệ thống cấp và thoát nước chuyên dùng, nguồn nước được lấy từ hệ thống giếng khoan; máy bơm nước sử dụng máy bơm hỏa tiễn công suất $P=1,5KWh$, cột nước bơm $H_{max}=65m$, $Q_{max}=9,6m^3/h$ (hoặc tương đương).

5. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập BCKTKT: Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Hòa Hưng.

6. Địa điểm xây dựng: xã Tà Long, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

7. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

8. Diện tích sử dụng đất: $657m^2$.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	998.823.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	28.221.000	đồng;
- Chi phí tư vấn:	121.688.000	đồng;
- Chi phí khác:	17.554.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	33.714.000	đồng.

10. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, kinh phí không thường xuyên năm 2020.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

13. Đơn vị quản lý, sử dụng: giao Chủ đầu tư quản lý, khai thác và chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình.

Điều 2. Chủ đầu tư thực hiện công khai hóa thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác giám sát đầu tư cộng đồng và có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đakrông, Giám đốc ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NNp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *tu*



Hà Sỹ Đồng